

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ BẰNG TÀI SẢN TRÍ TUỆ NHẪM TIẾP CẬN VỐN TRONG KHU VỰC TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

*Dương Quỳnh Hoa**

Tóm tắt: Tài sản trí tuệ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế sáng tạo, song hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn nhiều khoảng trống, đặc biệt về công nhận quyền sở hữu tài sản trí tuệ, cơ chế định giá, hệ thống đăng ký và xử lý tài sản bảo đảm. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản trí tuệ trong tiếp cận vốn, đồng thời nhằm nâng cao hiệu lực pháp lý, minh bạch hóa giao dịch, tăng niềm tin của tổ chức tín dụng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực tư nhân ở Việt Nam.

Từ khóa: Tài sản trí tuệ, tài sản bảo đảm, nghĩa vụ dân sự, tiếp cận vốn, khu vực tư nhân.

Abstract: Intellectual property plays an increasingly important role in the creative economy, but the current legal system still contains many gaps, especially in the recognition of intellectual property rights, valuation mechanisms, registration systems and the handling of secured assets. Based on theoretical research and an assessment of the current legal framework, the article proposes a number of solutions to improve the law on securing the performance of obligations through intellectual property in relation to access to capital, with a view to enhancing legal effectiveness, increasing the transparency of transactions, strengthening the trust of credit institutions, and promoting innovation in the private sector in Vietnam.

Keywords: Intellectual property, secured assets, civil obligations, access to capital, private sector.

Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ gần đây, nền kinh tế toàn cầu đang chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình dựa trên tài sản hữu hình sang mô hình dựa trên tài sản vô hình, đặc biệt là tài sản trí tuệ (TSTT). Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), tính đến năm 2022, hơn 90% giá trị của các công ty nằm trong chỉ số S&P 500 được cấu thành từ tài sản vô hình, trong đó tài sản trí tuệ chiếm phần lớn¹. Các quyền như sáng

chế, nhãn hiệu, bản quyền, bí mật kinh doanh không chỉ là biểu tượng của đổi mới

* PGS.TS., Viện Nhà nước và Pháp luật.

¹ Wipo, *The Future Looks Brighter for IP-Backed Financing*, 18/7/2023, <https://www.wipo.int/web/wipo-magazine/articles/the-future-looks-brighter-for-ip-backed-financing-56344>, truy cập ngày 10/4/2025; Bruce Berman, *Latest Data Show that Intangible Assets Comprise 90% of the Value of the S&P 500 Companies*, 19/1/2021, <https://ipcloseup.com/2021/01/19/latest-data-show-that-intangible-assets-comprise-90-of-the-value-of-the-sp-500-companies/>, truy cập ngày 10/4/2025; Ocean Tomo, *Intangible Asset Market Value Study*, <https://oceanomo.com/intangible-asset-market-value-study/>, truy cập ngày 10/4/2025.

sáng tạo mà còn trở thành công cụ mang lại nguồn lực tài chính thông qua chuyển giao, cấp phép, và đặc biệt là sử dụng làm tài sản bảo đảm.

Tại Việt Nam, Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 (ban hành kèm Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019) đã xác định mục tiêu phát triển TSTT trở thành động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sở hữu TSTT có giá trị nhưng lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn do hệ thống tài chính truyền thống vẫn ưu tiên tài sản hữu hình. Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022), Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (sau đây gọi là Nghị định 21/2021/NĐ-CP) và các văn bản liên quan đã cho phép sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản bảo đảm, nhưng thực tiễn áp dụng cơ chế này còn rất hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu cơ chế định giá minh bạch và nhất quán đối với TSTT; quy trình đăng ký giao dịch bảo đảm còn phức tạp, phân tán; khó khăn trong xử lý tài sản bảo đảm khi vi phạm nghĩa vụ; và sự e ngại của các tổ chức tín dụng về tính ổn định và thanh khoản của TSTT. Trước thực trạng nêu trên, bài viết hướng đến ba mục tiêu chính: (1) Khái quát cơ sở lý luận về TSTT và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng TSTT nhằm tiếp cận vốn của khu vực tư nhân; (2) Đánh giá thực trạng pháp luật, chỉ ra những bất cập đang hiện hữu trong pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng TSTT nhằm tiếp cận vốn của khu vực tư nhân ở Việt Nam; (3) Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện

nghĩa vụ bằng TSTT nhằm thúc đẩy sử dụng TSTT như một công cụ tiếp cận vốn hiệu quả.

1. Khái quát về tài sản trí tuệ và bảo đảm nghĩa vụ bằng tài sản trí tuệ nhằm tiếp cận vốn của khu vực tư nhân

1.1. Khái quát về tài sản trí tuệ

Trong thời đại kinh tế tri thức và chuyển đổi số, TSTT ngày càng khẳng định vai trò trung tâm trong các hoạt động kinh tế, sáng tạo, và đổi mới công nghệ của mọi quốc gia. Từ góc nhìn pháp lý, TSTT là một dạng tài sản vô hình, tức là không tồn tại dưới hình thái vật chất, nhưng lại có thể được xác lập quyền, chuyển giao, định giá và khai thác để mang lại giá trị kinh tế. TSTT không phải là bản thân ý tưởng hay sản phẩm sáng tạo, mà là quyền hợp pháp của chủ thể trong việc kiểm soát, định đoạt, chuyển nhượng, cấp phép hoặc ngăn cấm việc sử dụng các sáng tạo đó.

TSTT là một khái niệm mang tính phát triển trong lịch sử pháp lý hiện đại. Theo ghi nhận của WIPO, thuật ngữ “intellectual property” mới chỉ xuất hiện phổ biến từ cuối thế kỷ XIX, nhưng đã nhanh chóng trở thành một chế định quan trọng trong các hệ thống pháp luật dân sự và thương mại trên toàn cầu². Theo đó, TSTT là những sáng tạo của trí óc con người như phát minh, tác phẩm văn học và nghệ thuật, thiết kế, cũng như các biểu tượng, tên gọi và hình ảnh dùng trong thương mại. Định nghĩa này nhấn mạnh đến tính phi vật thể của TSTT, và khả năng tạo lập giá trị kinh tế khi được bảo hộ và khai thác phù hợp.

² Peter Drahos, *The Universality of Intellectual Property Rights: Origins and Development*, 28/10/1998, https://www.wipo.int/edocs/mdocs/tk/en/wipo_unhchr_ip_pnl_98/wipo_unhchr_ip_pnl_98_1.pdf, truy cập ngày 2/4/2025.

Khái niệm về TSTT được cụ thể hóa trong pháp luật của nhiều quốc gia. Chẳng hạn, Luật Cơ bản về Sở hữu trí tuệ của Nhật Bản năm 2002 định nghĩa TSTT là các phát minh, thiết bị, giống cây trồng mới, thiết kế, tác phẩm; các dấu hiệu phân biệt như nhãn hiệu, tên thương mại; và bí mật thương mại cùng các thông tin kỹ thuật, kinh doanh hữu ích cho hoạt động kinh doanh³.

Tại Việt Nam, theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022), quyền sở hữu trí tuệ được hiểu là: *“Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng”*. Tuy nhiên, luật này không đưa ra định nghĩa cụ thể về TSTT. Vì vậy, hiện nay có ba cách tiếp cận đang được thảo luận. Thứ nhất, tiếp cận theo đối tượng, theo đó TSTT được hiểu là các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, và 2022), bao gồm các đối tượng của quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng. Thứ hai, tiếp cận theo quyền tài sản, theo đó, TSTT được hiểu là quyền tài sản thuộc nội dung của quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng bởi chỉ có các quyền này mới có thể trị giá thành tiền, khai thác sinh lợi, chuyển nhượng và chịu sự kiểm soát pháp lý⁴. Thứ ba, tiếp cận khái niệm TSTT

theo hai nghĩa, nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa hẹp, TSTT được hiểu là các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp; và các đối tượng của quyền đối với giống cây trồng. Theo nghĩa rộng, TSTT được hiểu không chỉ bó hẹp trong phạm vi các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ hay là quyền tài sản thuộc nội dung của quyền sở hữu trí tuệ mà còn bao gồm cả những đối tượng khác cũng là sản phẩm của hoạt động trí tuệ, dù được pháp luật bảo hộ hay chưa đáp ứng các yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhưng vẫn được sử dụng trong hoạt động thương mại (ví dụ phần mềm, thuật toán, dữ liệu, giải pháp lý thuật, thiết kế bố trí, tri thức/know-how)⁵ cùng các quyền, lợi ích phát sinh từ việc khai thác các sản phẩm sáng tạo (quyền của bên nhận chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm phát sinh từ tài sản trí tuệ...). Cách tiếp cận thứ ba bao hàm đầy đủ cả hai góc độ tiếp cận đối với tài sản trí tuệ: Từ góc độ tài sản với những tính chất đặc biệt của nó và từ góc độ là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, phù hợp với tư tưởng của Luật Sở hữu trí tuệ.

chí Khoa học và công nghệ Việt Nam, số 63(10), 2021, tr.42, https://b.vjst.vn/index.php/ban_b/article/view/1103/1002, truy cập ngày 21/4/2025

⁵ Nguyễn Bích Thảo, *Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản trí tuệ qua xu hướng phát triển của một số quốc gia trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam*, Tài liệu hội thảo: Chia sẻ kinh nghiệm của CHLB Đức về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản trí tuệ, do Bộ Tư pháp phối hợp với Quỹ Konrad-Adenauer-Stiftung (FNF) của Cộng hòa Liên bang Đức tổ chức tại Hà Nội ngày 14-15/11/2024.

³ Article 2.1, Basic Law on Intellectual Property (Law No.122 of 2002) https://japan.kantei.go.jp/policy/titeki/hourei/021204kihon_e.pdf, truy cập ngày 2/6/2025.

⁴ Hoàng Lan Phương, *Thế chấp tài sản trí tuệ: Những khía cạnh pháp lý và thực tiễn thi hành*, Tạp

Trong bài viết này, để phản ánh đầy đủ khả năng khai thác và huy động nguồn lực từ sáng tạo, TSTT cần được hiểu theo nghĩa rộng nhất đó là kết quả của hoạt động sáng tạo trí tuệ và các quyền, lợi ích về tài sản gắn với kết quả đó, có khả năng tạo ra giá trị kinh tế và tinh thần cho chủ sở hữu thông qua việc khai thác, sử dụng và chuyển giao. Với những đặc điểm như không bị giới hạn phạm vi sử dụng, không bị khấu hao như tài sản hữu hình, và có khả năng sinh lợi cao, TSTT đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế - xã hội.

TSTT, với tư cách là một hình thái tài sản đặc biệt trong hệ thống pháp luật tài sản hiện đại, phản ánh kết quả của hoạt động sáng tạo của con người và được pháp luật công nhận, bảo hộ dưới hình thức quyền sở hữu trí tuệ. Từ định nghĩa và cách tiếp cận trên, có thể thấy pháp luật ghi nhận quyền sở hữu trí tuệ là một loại quyền tài sản. Điều này đồng nghĩa với việc TSTT được coi là một dạng tài sản hợp pháp, có thể được định giá, chuyển nhượng, cấp phép sử dụng và đặc biệt là được sử dụng làm tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ dân sự nếu đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định.

1.2. Khái quát về bảo đảm nghĩa vụ dân sự bằng tài sản trí tuệ nhằm tiếp cận vốn của khu vực tư nhân

Trong nền kinh tế tri thức, tài sản vô hình, đặc biệt là TSTT ngày càng đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển và tiếp cận vốn của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Việc dùng TSTT làm tài sản bảo đảm không chỉ mở rộng khái niệm tài sản bảo đảm trong pháp luật dân sự mà còn phản ánh sự thay đổi trong tư duy về giá trị và khả năng khai thác của tài sản vô hình. Lý luận pháp lý và tài chính đã

từng bước thừa nhận khả năng của TSTT trong việc trở thành công cụ bảo đảm cho nghĩa vụ tài chính, từ đó mở rộng cánh cửa tiếp cận vốn cho các chủ thể kinh doanh, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng TSTT được hiểu là việc chủ thể có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với TSTT sử dụng quyền tài sản này để ràng buộc nghĩa vụ với bên có quyền (ví dụ: Ngân hàng, tổ chức tín dụng, nhà đầu tư). Trong trường hợp bên có nghĩa vụ vi phạm cam kết, bên nhận bảo đảm có quyền xử lý TSTT thông qua phát mại quyền, chuyển nhượng hoặc khai thác thương mại TSTT đó nhằm thu hồi giá trị bảo đảm.

Từ góc độ lý luận tài chính và tín dụng, việc sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm là một hình thức tài chính hóa tài sản vô hình, cho phép các doanh nghiệp có thể chuyển hóa TSTT thành công cụ để tiếp cận vốn tín dụng từ hệ thống tài chính. Trong mô hình này, giá trị kỳ vọng tương lai của một sản phẩm sáng tạo được “gắn” vào một nghĩa vụ tài chính hiện tại, qua đó mở rộng năng lực huy động vốn của các chủ thể không có tài sản hữu hình truyền thống.

Từ góc độ lý luận, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng TSTT có thể được nhìn nhận dựa trên ba nền tảng học thuật:

Thứ nhất, từ lý thuyết quyền tài sản, TSTT là loại quyền tài sản có thể xác định, có hiệu lực pháp lý và có thể được chuyển nhượng. Do đó, theo nguyên lý “quyền có thể định đoạt thì có thể định giá”, TSTT hoàn toàn có thể trở thành đối tượng của giao dịch bảo đảm, tương tự như bất động sản hay động sản.

Thứ hai, theo lý luận về giao dịch bảo đảm, một tài sản có thể làm đối tượng bảo

đảm nếu thỏa mãn ba điều kiện: (i) Xác định được; (ii) Có giá trị thương mại; và (iii) Có cơ chế xử lý khi vi phạm. TSTT, nếu được đăng ký bảo hộ, có hồ sơ xác lập quyền và định giá chuyên nghiệp, hoàn toàn có thể đáp ứng các tiêu chí này⁶.

Thứ ba, từ góc độ tài chính doanh nghiệp, TSTT là nguồn “vốn mềm”, tức những nguồn lực không biểu hiện dưới dạng vật chất nhưng quyết định đến năng lực sinh lợi và giá trị thị trường của doanh nghiệp. Việc sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm là hình thức cầu nối giữa giá trị vô hình hiện tại và khả năng huy động vốn tương lai, đặc biệt phù hợp với các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo vốn thiếu tài sản hữu hình để thế chấp⁷.

Ở nhiều quốc gia trên thế giới, việc sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm đã được triển khai ở các mức độ khác nhau. Hoa Kỳ cho phép đăng ký bảo đảm quyền tài sản trí tuệ thông qua UCC Article 9, trong đó các quyền như giấy phép sáng chế, quyền tác giả phần mềm có thể được dùng làm tài sản bảo đảm nếu được mô tả rõ trong UCC-1 Financing Statement⁸. Tại Pháp, trong giai đoạn 1995–2018, 81% các khoản vay được

bảo đảm bằng TSTT sử dụng nhãn hiệu, 11% sử dụng sáng chế, và 8% sử dụng kết hợp các quyền sở hữu trí tuệ khác⁹. Đáng chú ý, 79% doanh nghiệp sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME)¹⁰. Tại Trung Quốc, Chính phủ đã thúc đẩy mạnh mẽ việc sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm để hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ. Trong nửa đầu năm 2024, tổng giá trị các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản trí tuệ tăng 57% so với cùng kỳ năm trước, đạt 419,9 tỷ nhân dân tệ (khoảng 58,8 tỷ USD)¹¹. Hàn Quốc cũng đã phát triển một hệ thống tài trợ dựa trên TSTT nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn thông qua việc sử dụng tài sản trí tuệ làm tài sản thế chấp. Theo báo cáo của Văn phòng Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (KIPO), tổng giá trị tài trợ dựa trên TSTT đã vượt qua 2 nghìn tỷ KRW vào năm 2020, tăng 52,8% so với năm trước đó. Trong đó, các khoản vay sử dụng TSTT làm tài sản thế chấp chiếm 1,93 nghìn tỷ KRW, các khoản vay dựa trên bảo lãnh tài sản trí tuệ là 708,9 tỷ KRW, và đầu tư vào các công ty sở hữu TSTT đạt 262,1 tỷ KRW¹².

Tại Singapore, Chính phủ nước này đã triển khai chương trình IP Financing Scheme (IPFS) vào tháng 4/2014 nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sở hữu trí tuệ sử dụng

⁶ World Intellectual Property Organization (WIPO), *Chapter 15: Intellectual Property as an Asset for Financing innovation*, 18/7/2023, https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_gii_2020-chapter17.pdf, truy cập ngày 26/4/2025; Ciaramella, L., Heller, D., & Leitzinger, L., *Intellectual Property as Loan Collateral. Paris December Conference*, 28/10/2022, https://www.paris-december.eu/sites/default/files/papers/2022/Heller_2022.pdf, truy cập ngày 26/4/2025.

⁷ OECD, *Supporting Investment in Knowledge Capital, Growth and Innovation*, OECD Publishing, 10/10/2013, https://www.oecd.org/en/publications/supporting-investment-in-knowledge-capital-growth-and-innovation_9789264193307-en.html, truy cập ngày 26/4/2025.

⁸ Cornell Law School, Uniform Commercial Code, Article 9, <https://www.law.cornell.edu/ucc/9>, truy cập ngày 25/4/2025.

⁹ Ciaramella, L., Heller, D., & Leitzinger, L., tldd.

¹⁰ Ciaramella, L., Heller, D., & Leitzinger, L., tldd.

¹¹ Financial Times, *China gets creative to boost lending to tech start-ups*, 2024, <https://www.ft.com/content/1f358db3-293f-4a53-a58a-fd70b9cee065>, truy cập ngày 25/4/2025.

¹² KIPO, *IP Finance Transactions of South Korea Surpass KRW 2 Trillion*, 2021, https://www.kipo.go.kr/en/BoardApp/UEngBodApp?a=&c=1003&seq=1712&supp_cd=001&board_id=kiponews&cp=1&pg=1&npp=10&catmenu=ek06_01_01&sdate=&edate=&type=&bunryu=&tag_yn=&searchKey=1&searchVal, truy cập ngày 22/4/2025.

TSTT làm tài sản thế chấp để vay vốn phục vụ cho sự phát triển và mở rộng kinh doanh. Trong chương trình này, Chính phủ Singapore chia sẻ 80% rủi ro tổn thất khoản vay với các tổ chức tài chính tham gia, nhằm khuyến khích họ chấp nhận tài sản trí tuệ làm tài sản đảm bảo. Ban đầu, chỉ có bằng sáng chế được chấp nhận làm tài sản thế chấp, nhưng đến năm 2016, chương trình đã mở rộng bao gồm cả nhãn hiệu đã đăng ký và bản quyền. Tổng hạn mức cho vay dưới chương trình này lên đến 100 triệu SGD¹³.

Khác với tài sản hữu hình, TSTT phụ thuộc nhiều vào thị trường, mức độ thương mại hóa, hiệu lực pháp lý và uy tín của chủ sở hữu. Do đó, cơ chế pháp lý về bảo đảm bằng TSTT cần gắn với các yếu tố hỗ trợ như: Định giá chuẩn hóa, thị trường chuyển nhượng TSTT minh bạch, cơ chế xử lý tài sản rõ ràng và khả năng cưỡng chế hiệu quả. Tóm lại, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng TSTT không chỉ mở rộng phạm vi khái niệm tài sản bảo đảm trong tư duy pháp lý hiện đại, mà còn thể hiện sự chuyển dịch quan trọng trong cấu trúc tiếp cận vốn trong nền kinh tế số. Khi được đặt trên nền tảng lý luận vững chắc và được hỗ trợ bởi thiết chế pháp lý hiệu quả, cơ chế này có thể trở thành động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp huy động nguồn lực và tăng cường tính minh bạch trong quan hệ tín dụng.

2. Thực trạng pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản trí tuệ nhằm tiếp cận vốn tại Việt Nam

Việc sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm là một phương thức tài chính hóa quyền tài sản vô hình nhằm phục vụ nhu cầu tiếp cận vốn của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Pháp luật Việt Nam đã từng bước ghi nhận khả năng này trong một số văn bản pháp lý quan trọng, song vẫn còn thiếu các quy định chi tiết và cơ chế thực thi đồng bộ.

Thứ nhất, về tài sản trí tuệ dùng làm tài sản bảo đảm

Việc sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, một trong những phương thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể trong giao dịch, được điều chỉnh bởi nhiều lớp pháp lý. Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định rõ rằng tài sản dùng để bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bảo đảm tại thời điểm giao kết hợp đồng. Tài sản này có thể là tài sản hiện hữu hoặc hình thành trong tương lai, với giá trị không bắt buộc phải tương đương, thậm chí có thể thấp hơn hoặc cao hơn nghĩa vụ được bảo đảm. Tuy nhiên, việc đưa TSTT vào giao dịch bảo đảm làm phát sinh nhiều điểm nghẽn pháp lý mà các nhà làm luật cần lưu tâm để hoàn thiện hệ thống quy phạm hiện hành:

Một là, về nền tảng pháp lý công nhận quyền sở hữu đối với TSTT trong giao dịch bảo đảm. Cho đến nay, chưa có quy phạm nào trong pháp luật Việt Nam định nghĩa một cách đầy đủ, rành mạch khái niệm TSTT như một loại hình tài sản độc lập có thể dùng làm bảo đảm. Các quy định hiện hành chủ yếu điều chỉnh quyền tài sản phát sinh từ sở hữu trí tuệ, ví dụ như quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền liên quan... mà chưa tính đến các đối tượng có giá trị mới như dữ liệu số, phần mềm, thuật toán, mô hình mô phỏng... trong khi những

¹³ Intellectual Property Office of Singapore, *Unlocking IP-Backed Financing: Country Perspectives- Singapore's Journey*, 2022, <https://www.ipos.gov.sg/docs/default-source/resources-library/unlocking-ip-backed-financing-2022-web.pdf>, truy cập ngày 22/4/2025.

tài sản này đang ngày càng phổ biến trong thực tiễn. Hệ quả là những đối tượng trí tuệ phi truyền thống hoặc chưa được đăng ký quyền sở hữu sẽ bị đặt ngoài hành lang pháp lý về bảo đảm nghĩa vụ, bất chấp thực tế chúng có thể tạo ra giá trị kinh tế lớn và hoàn toàn có khả năng định giá được. Điều này đặt ra vấn đề cần hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến việc ghi nhận, công nhận về mặt pháp lý đối với các dạng thức TSTT mới, đảm bảo cơ sở pháp lý để chủ sở hữu hợp pháp tài sản trí tuệ có thể xác lập, thực hiện giao dịch đối với những loại tài sản mới này, bao gồm cả việc dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong huy động vốn.

Hai là, về lựa chọn mô hình pháp lý để ghi nhận quyền sở hữu đối với TSTT. Một số chuyên gia đề xuất cách tiếp cận riêng rẽ theo từng loại hình TSTT để xây dựng cơ sở pháp lý chuyên biệt. Cách này đảm bảo sự chính xác tuy nhiên có thể đứng trước nguy cơ chậm trễ trong phản ứng chính sách khi TSTT phát sinh với tốc độ nhanh, biến đổi đa dạng và khó định hình. Một hướng tiếp cận khác là xây dựng khung pháp lý bao quát, thiết lập nguyên tắc nhận diện, xác lập quyền và ghi nhận khả năng giao dịch đối với các TSTT. Cách tiếp cận này sẽ góp phần giảm thiểu rào cản pháp lý, đặc biệt là trong trường hợp TSTT chưa được đăng ký chính thức hoặc tồn tại dưới dạng không truyền thống.

Ba là, về định danh TSTT trong bảo đảm

Chủ sở hữu quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có thể sử dụng các tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nếu đáp ứng các điều kiện pháp lý tương ứng. Các dạng quyền như quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với

giống cây trồng... khi đã được xác lập theo pháp luật về sở hữu trí tuệ có thể trở thành tài sản bảo đảm nếu được mô tả cụ thể và đáp ứng điều kiện chuyển nhượng, chuyển giao. Việc mô tả tài sản là điều kiện tiên quyết để xác lập giao dịch bảo đảm. Theo quy định pháp luật, trong trường hợp tài sản bảo đảm là động sản mà theo quy định phải đăng ký quyền sở hữu (ví dụ: Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp...), thì mô tả phải thể hiện đúng thông tin đã đăng ký. Trong trường hợp tài sản bảo đảm là quyền tài sản, thì mô tả phải phản ánh tên gọi, nguồn gốc pháp lý và căn cứ làm phát sinh quyền đó. Đối với TSTT, việc mô tả càng trở nên phức tạp khi nó có thể tồn tại dưới dạng kỹ thuật số, chưa được bảo hộ hoặc đang trong quá trình đăng ký.

Thứ hai, về xử lý tài sản bảo đảm

Bộ luật Dân sự năm 2015 cùng với Nghị định số 21/2021/NĐ-CP đã thiết lập một khung pháp lý tương đối rõ ràng về cách thức xử lý tài sản dùng để bảo đảm nghĩa vụ. Về nguyên tắc, khi bên bảo đảm không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, bên nhận bảo đảm có quyền tiến hành xử lý tài sản thông qua các phương thức như: Bán, chuyển nhượng, hoặc các hình thức xử lý khác phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền này không thể tùy tiện. Pháp luật yêu cầu bên nhận bảo đảm phải gửi thông báo bằng văn bản đến bên bảo đảm và các bên liên quan khác (nếu có). Riêng với những tài sản có tính chất đặc biệt, ví dụ chứng khoán niêm yết hoặc có thị trường giao dịch công khai, bên nhận bảo đảm có thể bán theo giá thị trường mà không cần định giá lại, nhưng vẫn phải tuân thủ nghĩa vụ thông báo trước theo đúng trình tự thủ tục. Đối với các trường hợp phức tạp như tài

sản hình thành trong tương lai, quyền đòi nợ, vật đồng bộ hay tài sản thuộc dự án đầu tư, pháp luật hiện hành có quy định đặc thù nhằm bảo đảm sự minh bạch và phòng ngừa rủi ro pháp lý phát sinh từ việc xử lý không đúng quy trình.

Không giống với tài sản hữu hình, TSTT thường không tồn tại độc lập mà gắn liền với chuỗi giá trị sản xuất, hệ thống vận hành công nghệ hoặc mạng lưới kinh doanh của một chủ thể. Việc xử lý loại tài sản này, dù là quyền sở hữu hay quyền khai thác, có thể gây đứt gãy chuỗi cung ứng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Một vấn đề khác nảy sinh là khả năng áp dụng công nghệ số và tự động hóa trong quá trình xử lý TSTT. Liệu quy trình thông báo và định giá có thể tiến hành hoàn toàn bằng phương tiện điện tử? Hệ thống đăng ký và xác lập quyền có thể tích hợp với nền tảng số để bảo đảm tính xác thực và minh bạch không? Pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy định cụ thể giải đáp những câu hỏi này, dẫn đến khoảng trống pháp lý trong quá trình xử lý TSTT một cách hiệu quả, hợp pháp và không làm tổn hại đến lợi ích của các bên liên quan.

Thứ ba, về định giá tài sản trí tuệ

Trên thực tế, việc định giá tài sản bảo đảm là hoạt động quan trọng mà kết quả của hoạt động này là căn cứ để xác định khả năng tiếp cận của chủ sở hữu tài sản bảo đảm, để bên cung ứng vốn đánh giá rủi ro, xác định giới hạn mức cho vay. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù và vô hình của TSTT nên không giống các tài sản vật chất thông thường, việc định giá rất phức tạp và không ổn định. Giá trị TSTT phụ thuộc nhiều vào

khả năng tạo ra dòng tiền trong tương lai, mức độ nhận diện thương hiệu, tiềm năng ứng dụng công nghệ, và các yếu tố thị trường rất biến động. Trong khi đó, pháp luật hiện hành chưa xây dựng được một khung pháp lý thống nhất để điều chỉnh riêng đối với hoạt động định giá TSTT. Mặc dù có các văn bản pháp luật điều chỉnh từng mảng (ví dụ: Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Giá, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Khoa học và Công nghệ...), nhưng không có đạo luật hay nghị định nào quy định đầy đủ, có hệ thống về nguyên tắc định giá; phương pháp định giá tương ứng với từng loại TSTT; quy trình định giá chuyên biệt; cơ chế hậu kiểm, giám sát chất lượng định giá. Việc định giá TSTT hiện nay chủ yếu được lồng ghép dưới hình thức “quyền tài sản” trong Luật Giá năm 2023, song không có hướng dẫn cụ thể về cách định giá đối với quyền tác giả, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hay bí quyết kinh doanh.

Bên cạnh đó, có sự thiếu nhất quán và liên thông giữa các quy định của Luật Giá, Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật về giao dịch bảo đảm. Luật Giá quy định về định giá quyền tài sản nhưng không phân loại cụ thể các dạng TSTT; Luật Sở hữu trí tuệ lại không đưa ra cơ chế định giá dù thừa nhận giá trị thương mại của quyền sở hữu trí tuệ; trong khi đó, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP chỉ yêu cầu “giá trị tài sản bảo đảm được thỏa thuận” mà không hướng dẫn phương thức xác định giá trị đó. Hậu quả là trong thực tiễn, mỗi cơ quan quản lý, mỗi tổ chức định giá hoặc tổ chức tín dụng lại sử dụng tiêu chí và cách tiếp cận khác nhau, dẫn đến sai lệch lớn trong kết quả định giá, giảm tính tin cậy và làm tăng rủi ro pháp lý.

Khó khăn thực tiễn lớn nhất hiện nay là thiếu dữ liệu định lượng đáng tin cậy về các giao dịch TSTT. Không có một cơ sở dữ liệu quốc gia nào thống kê giá chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu, sáng chế, phần mềm... khiến cho các tổ chức không thể tham khảo mức giá thị trường để làm cơ sở định giá. Cùng với đó, Việt Nam vẫn chưa hình thành một thị trường giao dịch TSTT minh bạch, nơi các hợp đồng chuyển nhượng hoặc góp vốn bằng TSTT được công khai hóa và chuẩn hóa. Hệ quả là việc định giá TSTT mang tính chủ quan, dễ bị thao túng, không tạo được sự đồng thuận giữa các bên.

Như vậy, với đặc thù của TSTT, tài sản trí tuệ không có thị trường giao dịch minh bạch, giá trị của nó phụ thuộc vào khả năng khai thác thương mại, độ hiếm, phạm vi lãnh thổ và thời điểm sử dụng. Trong bối cảnh thiếu cơ chế định giá thống nhất, nhiều ngân hàng và tổ chức tín dụng vẫn e ngại chấp nhận TSTT làm vật bảo đảm, gây khó khăn cho các chủ sở hữu tài sản trí tuệ trong tiếp cận vốn.

Thứ tư, về đăng ký biện pháp bảo đảm

Việc đăng ký biện pháp bảo đảm đóng vai trò như lá chắn pháp lý giúp giao dịch giữa các bên được xác lập đầy đủ hiệu lực pháp lý, đặc biệt là hiệu lực đối kháng với người thứ ba. Theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm, mọi biện pháp bảo đảm liên quan đến quyền tài sản, trong đó bao gồm cả TSTT, đều có thể được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền như Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản hoặc Cục Sở hữu trí tuệ. Một đặc điểm quan trọng được ghi nhận trong Nghị định này là nguyên tắc khai báo trung thực, tức là cơ quan đăng ký không có nghĩa vụ thẩm định tính pháp lý của giao dịch mà

chỉ thực hiện việc ghi nhận theo yêu cầu, còn trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp thuộc về chủ thể yêu cầu đăng ký. Điều này giúp giảm tải thủ tục hành chính nhưng lại đặt ra yêu cầu rất cao đối với bên đăng ký trong việc đảm bảo nội dung giao dịch minh bạch, không gây tranh chấp về sau.

Tuy nhiên, khung pháp lý hiện tại vẫn chưa thiết lập được một quy trình thống nhất cho việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tất cả các loại TSTT. Có loại tài sản phải đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ, có loại lại do Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản xử lý, gây ra sự phân tán và thiếu nhất quán trong áp dụng pháp luật. Thực tiễn phát triển TSTT, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và đổi mới sáng tạo, đang xuất hiện nhiều loại tài sản mới như mô hình dữ liệu, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng di động... Những loại tài sản này có giá trị kinh tế rõ rệt, song lại chưa được ghi nhận trong bất kỳ biểu mẫu hay hướng dẫn thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm nào. Điều này dẫn đến một khoảng trống pháp lý đáng kể, khiến các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp gặp khó khăn khi muốn sử dụng những tài sản này làm công cụ bảo đảm tài chính.

Một câu hỏi then chốt cần được giải đáp là: Có cần thiết xây dựng cơ chế đăng ký đặc thù riêng biệt cho từng nhóm TSTT không? Nếu không, liệu hệ thống đăng ký hiện tại, vận hành theo hướng phân quyền và chưa tích hợp, có đủ năng lực để đồng bộ thông tin từ các cơ sở dữ liệu như quản lý sáng chế, bản quyền phần mềm, chuyển giao công nghệ... hay không? Khi thiếu tính liên thông, việc xác minh quyền sở hữu, quyền khai thác hay trạng thái pháp lý của TSTT sẽ trở nên rất mơ hồ, làm suy giảm hiệu quả bảo vệ pháp lý đối với bên nhận bảo đảm.

3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản nhằm tiếp cận vốn tại Việt Nam

Trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng phát triển, TSTT không chỉ là yếu tố trung tâm của năng lực cạnh tranh doanh nghiệp mà còn có vai trò thiết yếu trong việc tạo dựng năng lực tiếp cận tài chính. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại nhiều rào cản, chưa tạo điều kiện đầy đủ cho hoạt động này phát triển một cách hiệu quả và minh bạch. Để thúc đẩy tiếp cận vốn thông qua TSTT, cần có những giải pháp đồng bộ cả về pháp lý, thể chế và thực tiễn áp dụng:

Trước hết, cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về công nhận và định danh TSTT như một loại tài sản có thể dùng làm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Mặc dù Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành và Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có những quy định nhất định về quyền tài sản, song chưa có quy phạm cụ thể, rõ ràng về việc xác định điều kiện, hình thức và giới hạn sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm. Trong khi đó, theo thông lệ quốc tế, đặc biệt là hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới và WIPO, một hệ thống pháp luật hiệu quả cần xác lập rõ ràng khả năng định giá, chuyển nhượng, và cưỡng chế thi hành quyền đối với TSTT trong các giao dịch bảo đảm. Do đó, pháp luật Việt Nam cần sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể trong Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ luật Dân sự để công nhận đầy đủ TSTT là tài sản hợp pháp, có thể định lượng, được sử dụng trong thế chấp, cầm cố hoặc các hình thức bảo đảm khác, đồng thời quy định rõ điều kiện hiệu lực của các giao dịch này.

Thứ hai, cần xây dựng cơ chế định giá TSTT phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn trong nước. Hiện nay, việc định giá

TSTT vẫn mang tính cảm tính, thiếu tiêu chuẩn chuyên môn hóa và cơ sở pháp lý rõ ràng, dẫn đến tâm lý e ngại từ phía các tổ chức tín dụng khi chấp nhận TSTT làm tài sản bảo đảm. Mặc dù Luật Giá năm 2023 đã có những mở rộng về đối tượng định giá, song chưa có quy định riêng biệt, đặc thù cho TSTT với tư cách là tài sản phi vật thể, có tính linh hoạt cao và giá trị sử dụng gắn với yếu tố thị trường sáng tạo. Vì vậy, cần ban hành một Nghị định hướng dẫn riêng về định giá TSTT, trong đó thiết lập các nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp định giá cụ thể (ví dụ: Phương pháp chi phí, thu nhập, so sánh...), đồng thời công nhận vai trò của các tổ chức định giá TSTT độc lập, có năng lực chuyên môn, được cấp phép hoạt động. Điều này không chỉ bảo đảm tính khách quan và minh bạch trong quá trình định giá mà còn tạo sự tin cậy cho các bên liên quan, đặc biệt là các tổ chức tín dụng.

Thứ ba, cần thiết lập hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm riêng biệt hoặc tích hợp với hệ thống đăng ký TSTT để bảo đảm tính công khai, minh bạch và an toàn pháp lý cho các giao dịch bảo đảm bằng TSTT. Theo quy định hiện hành, giao dịch bảo đảm bằng TSTT có thể được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm (Bộ Tư pháp). Tuy nhiên, hai hệ thống này hiện chưa được kết nối hiệu quả, dẫn đến tình trạng thông tin bị phân mảnh, gây khó khăn trong việc tra cứu, đối chiếu và bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba. Việc xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, số hóa, có khả năng liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước sẽ giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý, nâng cao hiệu lực của cơ chế công khai hóa quyền tài sản đối với TSTT trong giao dịch bảo đảm. Kinh nghiệm từ Singapore và Hàn Quốc cho thấy,

khi có hệ thống đăng ký tập trung và minh bạch, tỷ lệ chấp nhận TSTT làm tài sản bảo đảm trong ngân hàng tăng lên rõ rệt¹⁴.

Thứ tư, cần tăng cường năng lực thể chế và đào tạo chuyên sâu cho các chủ thể thực hiện và áp dụng pháp luật liên quan. Các ngân hàng, tổ chức tín dụng hiện nay vẫn còn thiếu hiểu biết và kinh nghiệm trong việc đánh giá rủi ro, thẩm định giá trị, cũng như xử lý hậu quả pháp lý khi TSTT được sử dụng làm tài sản bảo đảm. Tình trạng này làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng sở hữu chính các TSTT có giá trị. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ xây dựng bộ tiêu chí chấp nhận TSTT làm tài sản bảo đảm trong hệ thống tín dụng, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ ngân hàng, cơ quan tư pháp và doanh nghiệp về đặc điểm, giá trị và phương thức xử lý tài sản trí tuệ trong các giao dịch bảo đảm.

Cuối cùng, cần thiết lập cơ chế xử lý TSTT trong trường hợp bên bảo đảm không thực hiện nghĩa vụ theo hướng bảo đảm hiệu quả cưỡng chế thi hành và không làm mất đi giá trị sử dụng của tài sản. Khác với tài sản hữu hình, việc phát mại, chuyển nhượng hoặc tiếp tục khai thác thương mại

TSTT sau khi thu giữ cần được thực hiện một cách thận trọng, tránh làm mất quyền tác giả, quyền liên quan hoặc dẫn đến tranh chấp pháp lý kéo dài. Do đó, pháp luật cần quy định rõ quy trình cưỡng chế phù hợp với đặc điểm riêng biệt của TSTT, ví dụ như cho phép bán đấu giá kèm điều kiện duy trì giấy phép sử dụng, hoặc cho phép cơ quan thi hành án chuyển nhượng quyền sử dụng trong một thời hạn nhất định. Cơ chế này cũng cần tính đến việc bảo vệ lợi ích chính đáng của bên thứ ba đang sử dụng hợp pháp TSTT đó, tránh vi phạm các quyền đã được cấp phép hoặc đăng ký trước.

4. Kết luận

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo ngày càng phát triển, việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng TSTT trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và khởi nghiệp.

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã bước đầu ghi nhận quyền tài sản đối với TSTT, song vẫn còn thiếu các quy phạm rõ ràng, cơ chế định giá phù hợp, hệ thống đăng ký minh bạch và thiết chế thực thi hiệu quả. Để khắc phục những hạn chế này, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng: Bảo đảm cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc sử dụng TSTT làm tài sản bảo đảm; thiết lập cơ chế định giá khả thi; xây dựng hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm minh bạch và liên thông; đồng thời nâng cao năng lực thể chế và cơ chế xử lý TSTT khi phát sinh rủi ro pháp lý. Những cải cách này không chỉ có ý nghĩa thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực tư nhân mà còn góp phần xây dựng một môi trường pháp lý hiện đại, ổn định và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới của Việt Nam.

¹⁴ Pine IP, *Comprehensive Guide to Intellectual Property Financing in Korea: IP-Backed Loans, IP Investments, and IP Guarantees*, 2024, <https://www.pinepat.com/en/insights/columns/jisigjaesangeumyungyi-modeun-geos-ip-dambodaecul-ip-tuja-ip-bojeung>, truy cập ngày 2/6/2025; Duff & Phelps, *IP-Backed Financing: Using Intellectual Property as Collateral*, 2019, <https://www.ciiipr.in/pdf/CII-Duff-%26-Phelps-Report-on-Using-IP-as-Collateral-2019.pdf>, truy cập ngày 2/6/2025; WIPO, *Unlocking IP-backed Financing Series- Country Perspectives Singapore's Journey*, 2023, <https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo-pub-rn2023-58-en-unlockin-g-ip-backed-financing-country-perspectives-singapore-s-journey.pdf>, truy cập ngày 2/6/2025.